

TÀI LIỆU HỌC TẬP ĐỊA 9 ĐỢT 1 (6-18 THÁNG 9)

(Dành cho học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
BÀI 1: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<p>- HS đọc nội dung trang 3,4,5 SGK</p> <p>- Tham khảo bảng 1.1 trang 6</p> <p>- Trả lời các câu hỏi in nghiêng</p> <p><i>?Hãy kể tên một số sản phẩm thủ công tiêu biểu của các dân tộc ít người mà em biết.</i></p> <p>Dệt thô cầm, đan lát, làm gốm, rèn sắt, ...)</p> <p><i>?Dựa vào vốn hiểu biết, hãy cho biết dân tộc Việt (Kinh) phân bố chủ yếu ở đâu ?</i></p> <p>Dân tộc Việt (Kinh) phân bố chủ yếu ở các vùng đồng bằng, trung du và ven biển.</p> <p><i>?Dựa vào vốn hiểu biết, hãy cho biết các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở đâu ?</i></p> <p>Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở miền núi và trung du.</p> <p>Học: phần ghi nhớ màu đen nền hồng.</p>
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	<ol style="list-style-type: none">1. VN có bao nhiêu dân tộc? Dân tộc nào chiếm số đông?2. Các dân tộc có điểm giống và khác nhau như thế nào?3. Hoạt động kinh tế chính của các dân tộc?4. Nơi phân bố chủ yếu của các dân tộc?
BÀI 2: DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<p>- HS đọc nội dung trang 7,8,9,10 SGK</p> <p>- Trả lời các câu hỏi in nghiêng</p> <p>- Quan sát hình 2.1 (SGK trang 7), nêu nhận xét về tình hình tăng dân số của nước ta. Vì sao tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh?</p> <p>- Nhận xét về tình hình tăng dân số của nước ta :</p> <p>+ Từ 1954 đến 2003, dân số nước ta tăng nhanh liên tục.</p> <p>+ Tỉ lệ gia tăng dân số có sự thay đổi qua từng giai đoạn: giai đoạn 1954 – 1960 dân số tăng rất nhanh là do có những tiến bộ về y tế, đời sống nhân dân được cải thiện làm cho tỉ lệ sinh cao, tỉ lệ tử giảm; giai đoạn 1976 đến 2003, tỉ lệ gia</p>

tăng tự nhiên có xu hướng giảm, nhờ thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

- Tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng số dân vẫn tăng vì: dân số nước ta đông, số người trong tuổi sinh đẻ cao.
? Dân số đông và tăng nhanh đã gây ra những hậu quả gì?
Nêu những lợi ích của sự giảm tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta?

Trả lời:

- Hậu quả của dân số đông và tăng nhanh: gây sức ép đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, môi trường tài nguyên.

+ Sự gia tăng dân số quá nhanh ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, nền kinh tế khó có thể phát triển

+ Sự gia tăng dân số và gia tăng sức mua đòi hỏi phải đẩy mạnh sản xuất đáp ứng nhu cầu của nhân dân, làm cho nhiều loại tài nguyên bị khai thác quá mức (đất, rừng, nước...).

+ Khi dân số tăng nhanh, các dịch vụ y tế, giáo dục khó nâng cao được chất lượng. Gia tăng dân số nhanh làm tăng nhanh nguồn lao động, vượt quá khả năng thu hút của nền kinh tế, dẫn đến tình trạng thất nghiệp; thiếu việc làm. Các tệ nạn xã hội cũng theo đó mà tăng lên.

? Lợi ích của sự giảm tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở nước ta.

+ Phát triển kinh tế: góp phần vào nâng cao năng suất lao động, góp phần đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế đất nước.

+ Tài nguyên môi trường: giảm áp lực đến tài nguyên và môi trường sống.

+ Chất lượng cuộc sống của dân cư sẽ được nâng lên tăng thu nhập bình quân đầu người, chất lượng giáo dục, y tế tốt hơn, đảm bảo các phúc lợi xã hội, tăng tuổi thọ.

? Dựa vào bảng 2.1 (SGK trang 8), hãy xác định các vùng có tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao nhất, thấp nhất; các vùng lãnh thổ có tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao hơn trung bình cả nước.

Trả lời:

- Vùng có tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao nhất: Tây Bắc (2,19%)

- Vùng có tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số thấp nhất: Đồng bằng sông Hồng (1,11%)

	<p>- Các vùng lãnh thổ có tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao hơn trung bình cả nước: Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.</p> <p>? Dựa vào bảng 2.2, hãy nhận xét:</p> <p>- Tỉ lệ hai nhóm dân số nam, nữ thời kì 1979 - 1999.</p> <p>- Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta 1979 - 1999.</p> <p>Trả lời:</p> <p>- Thời kì 1979 - 1999 có sự biến đổi như sau: tỉ lệ nữ lớn hơn tỉ lệ nam; tỉ lệ dân số nam nữ có sự thay đổi theo thời gian, tỉ lệ nam ngày càng tăng, tỉ lệ nữ ngày càng giảm.</p> <p>- Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta thời kì 1979 - 1999 có sự biến đổi theo hướng: nhóm 0 – 14 giảm; nhóm tuổi 15 – 59 tăng; nhóm tuổi 60 trở lên tăng.</p> <p>Học: phân ghi nhớ màu đen nền hồng</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>1. Hậu quả của việc gia tăng dân số</p> <p>2. Cơ cấu theo độ tuổi ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển kinh tế</p>
<p>BÀI 3: PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ</p>	
<p>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</p>	<p>- Học sinh đọc SGK trang 10,11,12,13,14</p> <p>- Trả lời các câu hỏi in nghiêng</p> <p>- Quan sát hình 3.1 (SGK trang 11), hãy cho biết dân cư tập trung đông đúc ở những vùng nào? Thưa thớt ở những vùng nào? Vì sao?</p> <p>Trả lời:</p> <p>- Dân cư tập trung đông đúc ở vùng đồng bằng, ven biển và các đô thị, vì ở đây có nhiều điều kiện thuận lợi cho sản xuất và đời sống (địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào, giao thông thuận lợi,...).</p> <p>- Miền núi dân cư thưa thớt, vì ở đây ít có điều kiện thuận lợi cho sản xuất và đời sống (địa hình dốc, giao thông khó khăn).</p> <p>? Hãy nêu những thay đổi của quần cư nông thôn mà em biết.</p> <p>Trả lời:</p> <p>Đường liên xã, ấp được bê tông hóa, nhiều nhà cao tầng mọc lên.</p> <p>? Quan sát hình 3.1 (SGK trang 11), hãy nêu nhận xét về sự phân bố các đô thị của nước ta. Giải thích vì sao?</p> <p>Trả lời:</p> <p>Các đô thị của nước ta phân bố tập trung ở đồng bằng và ven</p>

	<p>biển vì đây là những nơi có lợi thế về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên (địa hình, đất đai, nguồn nước,...), các nhân tố kinh tế - xã hội.</p> <p>?Dựa vào bảng 3.1 (SGK trang 13), hãy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta. - Cho biết sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị đã phản ánh quá trình đô thị hoá ở nước ta như thế nào? <p>Trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số dân thành thị và tỉ lệ dân đô thị tăng liên tục nhưng không đều giữa các giai đoạn. Giai đoạn có tốc độ tăng nhanh nhất là 1995 - 2003. - Tỉ lệ dân đô thị của nước ta còn thấp. Điều đó chứng tỏ nước ta vẫn ở quá trình đô thị hoá thấp, kinh tế nông nghiệp vẫn còn vị trí khá cao. <p>?Lấy ví dụ minh họa về việc mở rộng quy mô các thành phố.</p> <p>Trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2 đô thị với quy mô dân số trên 1 triệu người, 3 đô thị với quy mô dân số từ 350 nghìn đến 1 triệu người, nhiều đô thị có quy mô dân số từ 100 nghìn đến dưới 350 nghìn người. - Một số đô thị từ loại 3 lên loại 2, từ loại 2 lên loại 1. - Việc mở rộng quy mô đô thị đặt ra nhiều vấn đề phức tạp về xã hội và môi trường do dân cư tập trung quá đông ở các thành phố lớn (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh). <p>Học: ghi nhớ màu đen nền hồng.</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Vì sao dân cư thường tập trung đông khu vực đồng bằng, ven biển, thành phố lớn? 2. Tốc độ đô thị hóa địa phương em như thế nào?
<p>BÀI 4: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM</p>	
<p>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc SGK trang 15,16,17 - Trả lời các câu hỏi in nghiêng - Dựa vào hình 4.1 (SGK trang 15), hãy: - Nhận xét về cơ cấu lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn. Giải thích nguyên nhân. - Nhận xét về chất lượng nguồn lao động nước ta. Để nâng cao chất lượng nguồn lao động cần có những giải pháp gì? <p>Trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn lực lượng lao động của nước ta tập trung ở nông thôn (chiếm 75,8%) do nền kinh tế nước ta chủ yếu vẫn là nông nghiệp; quá trình đô thị hoá diễn ra đang còn chậm.

	<p>- Chất lượng của nguồn lao động ở nước ta còn thấp, lao động không qua đào tạo chiếm tỉ lệ lớn (78,8%). Để nâng cao chất lượng nguồn lao động cần phải đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực, đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề xuất khẩu lao động.</p> <p>?Quan sát hình 4.2 (SGK trang 16), hãy nêu nhận xét về cơ cấu lao động và sự thay đổi cơ cấu lao động ở nước ta.</p> <p>Trả lời:</p> <p>- Trong cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta năm 2003, chiếm tỉ trọng cao nhất là lao động nông, lâm, ngư nghiệp (59,6%), tiếp đến là tỉ trọng của lao động dịch vụ(24,0%), thấp nhất là lao động công nghiệp - xây dựng (16,4%).</p> <p>- Trong giai đoạn 1989 - 2003, cơ cấu sử dụng lao động ở nước ta có sự chuyển biến theo hướng : Tỉ trọng lao động nông - lâm - ngư nghiệp giảm 11,9% (từ 71,5% năm 1989 xuống còn 59,6% năm 2003). Tỉ trọng lao động công nghiệp - xây dựng tăng 5,2 % (từ 11,2% năm 1989 lên 16,4% năm 2003). Tỉ trọng lao động dịch vụ tăng 6,7% (từ 17,3% năm 1989 lên 24,0% năm 2003)</p> <p>?Để giải quyết vấn đề việc làm, theo em cần phải có những giải pháp nào?</p> <p>Trả lời:</p> <p>Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hoá các hoạt động kinh tế ở nông thôn. - Phát triển hoạt động công nghiệp, dịch vụ ở các đô thị. - Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề, giới thiệu việc làm. <p>Học: ghi nhớ màu đen nền hồng</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>1. Em muốn làm nghề nghiệp gì trong tương lai? Nghề nghiệp đó có đảm bảo cho chất lượng cuộc sống em không? Để làm được việc đó em cần chuẩn bị gì?</p>

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Địa	Mục I: Mục II:	1. 2.